TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HS - ST
Ngày: 02-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đới Văn Trinh

Bà Nguyễn Thị Mai

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Th□ ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2019/HSST ngày 01 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST - HS ngày 03 tháng 5 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/HSST-QĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 24A/2019/HSST-QĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 25A/2019/HSST-QĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 31A/2019/HSST-QĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019, thông báo thời gian và địa điểm mở lại phiên tòa số 02/2019/TB-TA ngày 24 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Mai Văn H, sinh năm 1981 tại thị xã C, tỉnh H nay là thành phố C, tỉnh H); nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã N, thành phố C, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa(học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Mai Văn T và con bà Nguyễn Thị S; có vợ : Trần Thị H; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/01/2019 đến ngày 17/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Mai Văn T, sinh năm 1962 tại thị xã C, tỉnh H (nay là thành phố C, tỉnh H) ; nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã N, thành phố C, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa(học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Mai Văn M và con bà Trần Thị T; có vợ: Bùi Thị N; Bị có có 3 con, con lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1991. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Bản án số 22 ngày 15/8/1998 của Tòa án nhân dân huyện C (nay là thành phố C), tỉnh H xử Mai Văn T 12 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc, 6 tháng tù về tội Đánh bạc; hình phạt chung cho hai tội là 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng. Bản án số 46/2011/HSST ngày 30/6/2011 của Tòa án nhân dân thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh H xử Mai Văn T 11 tháng tù về tội Đánh bạc; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 57/QĐ ngày 15/11/2005 của Công an huyện C (nay là thành phố C), tỉnh H xử phạt Mai Văn T số tiền 1.000.000đồng về hành vi đánh bạc.

Bị cáo được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

3. Vũ Văn D, sinh năm 1973 tại thị xã C, tỉnh H nay là thành phố C, tỉnh H); nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã N, thành phố C, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa(học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Văn M và con bà Nguyễn Thị T; có vợ: Trần Thị M; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/01/2019 đến ngày 17/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Phan Văn T1, sinh năm 1973 tại thị xã C, tỉnh H nay là thành phố C, tỉnh H); nơi ĐKHKTT: Thôn C 2, xã N, thành phố C, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa(học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Văn H và con bà Đặng Thị R; có vợ: Bùi Thị M. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/01/2019 đến ngày 17/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 15 tháng 01 năm 2019, trên đường Mai Văn H đi đến nhà bố mẹ đẻ thì gặp Vũ Đình D, H rủ D tí sang nhà làm tí, D hiểu ý H rủ đến đánh bạc nên đồng ý.

Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Vũ Văn P đến nhà H chơi và bảo "Làm tí liêng không", tiếp sau đó D cũng đi bộ đến. H gọi điện cho Mai Văn T rủ T đến đánh bạc và bảo T cầm theo bộ tú lơ khơ. T đồng ý và rủ thêm Phan Văn T1 cùng đi. Sau khi T1, T đến nhà H, H nói "chiến thôi", tất cả đều hiểu và cùng ngồi xuống nền phòng khách nhà H đánh bạc bằng hình thức đánh liêng.

Cách thức đánh liêng là dùng bộ bài tú lơ khơ 52 quân chia cho mỗi người ba quân bài, tính thắng thua theo thứ tự Sáp, Liêng, Ảnh, Điểm. Sáp là ba lá bài có cùng hàng ngang(cùng số thứ tự); Liêng là ba lá bài cùng hàng dọc(có số thứ tự liên tiếp) nhưng không quá át; Ảnh là ba lá bài có hình (J, Q, K); Điểm là cộng số điểm của ba lá bài rồi trừ đi hàng chục. Cả nhóm thống nhất mỗi người chơi phải bỏ 20.000đồng/ván(gọi là góp gà). Khi chia bài xong thì người chia bài được tố trước (đưa ra số tiền cá cược, tối đa không quá 20.000đồng). Nếu người chia không tố thì người ngồi kế tiếp được tố, nếu ai không theo thì úp bài người tố được lấy hết tiền gà, nếu có người theo thì mở bài phân định thắng thua (người thắng được lấy tiền cược của người chơi và toàn bộ tiền góp gà.

Đến khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an thị xã C(nay là Công an thành phố C) bắt quả tang, xác định quá trình tham gia đánh bạc, H có sử dụng 900.000đồng vào việc đánh bạc, khi bị bắt H thua 100.000đồng. T sử dụng 600.000đồng vào việc đánh bạc, trong đó 200.000đồng thắng bạc. T1 sử dụng 1.600.00đồng vào việc đánh bạc, khi bắt bị thua 100.000đồng. D sử dụng 2.500.000đồng vào việc đánh bạc, khi bị bắt thua 200.000đồng. Vũ Văn P bỏ trốn nên không xác định được số tiền Phúc dùng vào việc đánh bạc. Lực lượng Công an thành phố C thu giữ 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và tổng số tiền là 6.570.000đồng.

Tại Cáo trạng số 31/CT-KSCL ngày 29 tháng 3 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh H đã truy tố Mai Văn H, Mai Văn T, Vũ Văn D, Phan Văn T1 về tội "Đánh bạc" theo quy định khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án: Tuyên bố: Bị cáo Mai Văn H, Mai Văn T, Vũ Văn D, Phan Văn T1 phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mai Văn T. Xử phạt bị cáo T từ 08 tháng tù đến 11 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

Áp dụng: Khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mai Văn H. Xử phạt bị cáo H từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, thời điểm tính thời gian thử thách từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng: Khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Văn D. Xử phạt bị cáo D từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ; được trừ 02 ngày tạm giữ (quy đổi 02 ngày tạm giữ bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ) còn phải chịu từ 17 tháng 24 ngày đến 20 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao bản án, quyết định thi hành án. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung công quỹ Nhà nước, thời hạn tính từ khi chấp hành án đến khi chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo: Mai Văn H, Vũ Văn D cho UBND xã N, thành phố C, tỉnh Hải H để giám sát, giáo dục.

Áp dụng: Khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phan Văn T1. Xử phạt bị cáo T1 bằng hình phạt tiền, phạt từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, sung công quỹ Nhà nước.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt các bị cáo: Mai Văn H, Vũ Văn D từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung công; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Mai Văn T.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đã qua sử dụng; Tịch thu sung công: Số tiền 6.570.000 đồng các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc được niêm phong trong phong bì số 470/CSĐT .

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, VKSND thành phố C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy

tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo Mai Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị xử vắng mặt vì lý do đi chữa bệnh, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290BLTTHS xét xử vắng mặt bị cáo T.

[2] Lời khai của các bị cáo Mai Văn H, Vũ Văn D, Phan Văn T1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng hơn 10 giờ ngày 15 tháng 01 năm 2019 tại nơi ở của Mai Văn H ở thôn Đ, xã N, thành phố C, tỉnh H, Mai Văn H, Mai Văn T, Vũ Văn D, Phan Văn T1 có hành vi đánh bạc, sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh liêng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố các bị cáo Mai Văn H, Mai Văn T, Vũ Văn D, Phan Văn T1 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về trật tự kinh tế. Trong vụ án các bị cáo đồng phạm với nhau, hành vi của bị cáo này giúp sức, thúc đẩy bị cáo kia thực hiện tội phạm đến cùng. Trong vụ án, các bị cáo đều có lời nói rủ rê nhau nên không xác định được người cầm đầu, đề xuất, rủ rê. Bị cáo T là chuẩn bị công cụ phạm tội và sử dụng 600.000đồng vào việc đánh bạc. Bị cáo H sử dụng 900.000đồng vào việc đánh bạc. Bị cáo D, T1 là người thực hành tích cực, D sử dụng số tiền 2.500.000đồng, T1 sử dụng số tiền 1.600.000đồng vào việc đánh bạc.

Khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử cũng xem xét tới các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ sau: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo H, T, D, T1 đều thành khẩn khai báo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo H có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng huân chương chiến sĩ giải phóng; bị cáo D có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang; bị cáo T1 có bố đẻ và mẹ đẻ đều được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến nên các bị cáo H, D, T1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo H, D, T1 đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân xấu, đã từng vi phạm pháp luật về tội đánh bạc, phải đi chấp hành án tại trại giam nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học

mà lại tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, thể hiện sự coi thường pháp luật nên có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Đối với bị cáo H, D, T1 trước khi thực hiện hành vi phạm tội tại bản án này, các bị cáo có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo H, D có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo, cải tạo tại địa phương không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Đối với bị cáo T1 có vai trò không đáng kể trong vụ án nên hội đồng xét xử áp dụng hình phạt là phạt tiền để đảm bảo sự công bằng với các bị cáo khác.Vì thế cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố C tại phiên tòa.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo T đang mắc bệnh hiểm nghèo không có thu nhập và tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Đối với bị cáo H, bị cáo D cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để sung quỹ Nhà nước. Đối với bị cáo T1 đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Tuấn.

[5] Về vật chứng: Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho hủy bỏ; Đối với số tiền 6.570.000đồng là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp với các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS; các điểm b, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

[6] Trong vụ án, đối với hành vi Vũ Văn P đã bỏ trốn khỏi địa phương, Công an thành phố C đã ra quyết định truy nã, tách vụ án hình sự là phù hợp và đã được giải quyết trong vụ án khác.

[7] Về án phí: Các bị cáo H,T, D, T1 bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; Điều 17; các khoản 1, 2, 3 Điều 65; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Mai Văn H.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Mai Văn T.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 36; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Vũ Văn D.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 35; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Phan Văn T1.

Tuyên bố: Bị cáo Mai Văn H, Mai Văn T, Vũ Văn D, Phan Văn T1 phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt bị cáo Mai Văn H 10 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hòa cho UBND xã N, thành phố C, tỉnh H giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Mai Văn T 9 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn D 18 tháng tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 2 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của D để sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo D cho UBND xã N, thành phố C, tỉnh H giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo D.

Xử phạt bị cáo Phan Văn T1 25.000.000 đồng, thời hạn chấp hành án tính từ ngày thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Mai Văn H, Vũ Văn D mỗi bị cáo 10.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS; các điểm b, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS. Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 6.570.000đồng đựng trong 01 phong bì niêm phong kích thước (10,8 x18,8)cm, trên bì ghi: "số 470/CSĐT niêm phong ngày 15/01/2019, tiền tang vật vụ đánh bạc ngày 15/01/2019 tại Đ, N, C, H, trên bì có các chữ ký niêm phong cụ thể: 01 chữ ký của Mai Văn T, 01 chữ ký của Vũ Văn D, 01 chữ ký của Mai Văn H, 01 chữ ký của Phan Văn T1, 01 chữ ký của Đỗ Văn S, 01 chữ ký của Nguyễn Văn D và 03 dấu của Công an xã N.

(*(Tình trạng cụ thể của vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan CSĐT- Công an thành phố C và Chi cục THADS thành phố C ngày 29/3/2019).*

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 BLTTHS; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH 14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Mai Văn H, Mai Văn T, Vũ Văn D, Phan Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Mai Văn H, Vũ Văn D, Phan Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo Mai Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố C;
- VKSND tỉnh H;
- Công an thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Sở tư pháp tỉnh H;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương